

Bản án số: 27/2017/HN-PT
Ngày 19 tháng 7 năm 2017
Về việc: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Tư

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương - Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Ông Đoàn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2017/TLPT-HN, ngày 18 tháng 5 năm 2017, về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 81/2017/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 129/QĐPT-HN, ngày 12 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Thanh H, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: ấp L, xã L1, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn V, sinh năm: 1974

Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* - Nguyên đơn Bà Ngô Thị Thanh H

- Bị đơn: Ông Phạm Văn V

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà Ngô Thị Thanh H và ông Phạm Văn V tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1 vào ngày 16/12/1996. Sau khi kết hôn, bà H và ông V chung sống hạnh phúc, khoảng 13 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông V thường hay uống rượu, chửi, đánh bà H nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Giữa bà H và ông V đã nhiều lần tạo điều kiện hàn gắn nhưng không thành, hiện tại ông V đã chung sống với người phụ nữ khác nên tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để đoàn tụ. Do đó, bà H yêu cầu ly hôn với ông V.

Về con chung: bà H và ông V có 02 con chung là cháu Phạm Quốc N, sinh ngày 28/11/1998 và cháu Phạm Minh N, sinh ngày 17/02/2006. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 605.000 đồng/tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ khi có quyết định của Tòa án cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi. Đối với cháu Phạm Quốc N, do đã thành niên nên bà H không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H cho rằng trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông V có những tài sản chung là các thửa đất 386 (trước đây là thửa 96), tờ bản đồ số 13 và thửa đất 104, tờ bản đồ số 06, cùng tọa lạc tại xã T1 (C – Bến Tre). Các thửa đất trên do bà H, ông V cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ly hôn, bà H yêu cầu chia đôi tài sản chung, yêu cầu được nhận phần đất và nhà tại thửa 386, ông V nhận phần đất tại thửa 104 còn lại. Bà H đồng ý hoàn lại cho ông V giá trị chênh lệch.

Sau khi sống ly thân, ông V có trả cho Ngân hàng số tiền vay đáo hạn là 30.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng, tổng cộng là 50.000.000 đồng. Bà H đồng ý giao lại cho ông V 25.000.000 đồng.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn ông Phạm Văn V trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông V thống nhất với lời trình bày của bà H và đồng ý ly hôn.

Nuôi con chung: ông thống nhất với bà H về con chung. Do cháu N đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu N, cháu N muốn sống với ai sẽ do cháu tự quyết định, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông cho rằng ông và bà H chỉ có tài sản chung là nhà và đất thuộc thửa 386 (trước đây là thửa 96). Tuy nhiên, ông không đồng ý chia.

Đối với phần đất tại thửa 104, mặc dù ông và bà H đã canh tác từ trước năm 2000 nhưng đây là tài sản của cha mẹ ông cho riêng ông, vì vậy ông không đồng ý chia.

Ông đồng ý việc bà H sẽ trả lại cho ông số tiền 25.000.000 đồng mà ông đã trả cho Ngân hàng trong thời gian sống ly thân với bà H.

Ông V, bà H thống nhất với biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản mà Hội đồng định giá đã xác định.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện C đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

Áp dụng các Điều 55, 58, 60, 62, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, các Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Ngô Thị Thanh H và ông Phạm Văn V.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Phạm Minh N, sinh ngày 17/02/2006 cho bà Ngô Thị Thanh H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc ông V phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 605.000 đồng/tháng (Sáu trăm lẻ năm ngàn đồng mỗi tháng), thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (ngày 07/4/2017) cho đến khi cháu Phạm Minh N tròn 18 tuổi. Ngoài ra còn tuyên về các quyền thăm nom, thay đổi mức cấp dưỡng và người trực tiếp nuôi con. Đối với cháu Phạm Quốc N, sinh ngày 28/11/1998, cháu N đã thành niên nên ông V, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Bà Ngô Thị Thanh H được nhận phần đất có diện tích 264,6m² tại thửa 386 (trước đây là thửa 96) tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh Bến Tre và căn nhà trên phần đất này. (Có họa đồ kèm theo)

Ông V được nhận phần đất có diện tích 928,6m², tại thửa 104, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp L, xã T1, huyện C, tỉnh Bến Tre và toàn bộ cây trồng trên đất. (Có họa đồ kèm theo)

Bà H có nghĩa vụ giao lại cho ông V số tiền 164.886.885 đồng (Một trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn tám trăm tám mươi lăm đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, chi phí đo đạc định giá và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/4/2017, bị đơn ông Phạm Văn V có đơn kháng cáo.

Ngày 20/4/2017, nguyên đơn Ngô Thị Thanh H có đơn kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm ông Phạm Văn V yêu cầu được nhận nhà và đất thuộc thửa 386, ông đồng ý hoàn lại cho bà H ½ giá trị nhà và đất. Ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Minh N.

Theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm bà Ngô Thị Thanh H yêu cầu chia đôi thửa đất 104 cùng toàn bộ cây trồng trên đất. Ông V nhận toàn bộ và hoàn lại cho bà ½ giá trị.

Quan điểm của kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS: Chấp nhận 01 phần kháng cáo của chị Ngô Thị Thanh H; chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Văn V; Sửa một phần Bản án hôn nhân sơ thẩm số 81/2017/HNST ngày 07-4-2017 của TAND huyện C, theo hướng anh V nhận nhà, đất thửa 386 và hoàn chị H $\frac{1}{2}$ giá trị; anh V nhận đất thửa 104 và hoàn lại chị H $\frac{3}{7}$ giá trị đất, cây trồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận. Xét kháng cáo của ông Phạm Thanh V, bà Ngô Thị Thanh H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bản án sơ thẩm đã tuyên xử về quan hệ hôn nhân, phần này các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1] Nuôi con chung: Tại biên bản hỏi ý kiến cháu Phạm Minh N ngày 09/12/2016 (BL118) thể hiện cháu N có nguyện vọng sống cùng bà H. Theo quy định tại các Điều 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015 thì cấp dưỡng của cha mẹ đối với con chưa thành niên là nghĩa vụ bắt buộc nên việc Tòa án buộc ông V cấp dưỡng nuôi con số tiền 605.000 đồng/tháng là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh V rút kháng cáo và đồng ý cấp dưỡng nuôi con như án sơ thẩm đã tuyên nên đình chỉ đối với phần kháng cáo này của ông V.

[2] Chia tài sản: Phần đất có diện tích 264.6m² thuộc thửa 386, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã T1 (C – Bến Tre) và 01 căn nhà tường cấp 4 được xây dựng trên đất. Ông V yêu cầu chia đôi và nhận bằng hiện vật. Xét thấy, ông V và bà H cùng trình bày ngoài căn nhà này ra thì cả hai không còn chỗ ở nào khác. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đối với ông Huỳnh Thanh H là trưởng ấp T1, xã T1 xác nhận: “ngôi nhà của bà H, ông V từ thời điểm bà H và ông V ly thân thì nhà này do ông V quản lý, sử dụng cho đến nay. Việc có sự chồng chéo trong xác nhận ngày 01 tháng 3 năm 2017 và ngày 19 tháng 4 năm 2017 là do ông V ban ngày đi làm ăn, tối mới về nhà. Thời gian đầu địa phương chưa nắm rõ. Sau này do phản ánh của một số hộ dân ở gần, được biết ông V quản lý, sử dụng nhà liên tục từ năm 2015 đến nay”. Như vậy, ông V là người trực tiếp quản lý sử dụng căn nhà. Và hiện căn nhà nằm trên phần đất của gia đình ông V nên để bảo đảm việc quản lý sử dụng đất được thuận tiện cần giao anh V tiếp tục nhận nhà, đất và hoàn $\frac{1}{2}$ giá trị cho chị H là phù hợp. Kháng cáo của ông V về phần này có căn cứ nên cần được chấp nhận. Do đó, sửa án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C đối với phần tài sản này, giao nhà và đất cho ông V quản lý, sử dụng và ông V có nghĩa vụ giao lại cho bà H $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất với số tiền 218.646.000 đồng.

[3] Đối với tài sản là phần đất có diện tích 2.986,6 m² thửa 104, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã T1 (C – Bến Tre), ông V và bà H cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thống nhất đây là tài sản có nguồn gốc từ cha mẹ ông V. Khi cho trên đất đã có hoa lợi nên về trên đất tu bổ và hưởng hoa lợi. Xét thấy, mặc dù bà H không có công sức đóng góp vào việc tạo lập nhưng bà H đã cùng đứng tên quyền sử dụng hợp pháp, không phát sinh tranh chấp và có công duy trì và phát triển khối tài sản chung trong thời gian dài, từ khoảng năm 2000 cho đến nay nên Tòa án nhân dân huyện C chấp nhận cho bà H được hưởng 20% giá trị là chưa đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bà H. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà H, ông V được nhận 70% giá trị tài sản và bà H nhận 30% giá trị tài sản là hợp lý. Giao cho ông V nhận bằng hiện vật và có trách nhiệm thanh toán cho bà H phần chênh lệch. Cụ thể, theo kết quả định giá tài sản ngày 12/01/2017 xác định khối tài sản này có giá trị như sau: Giá trị đất là: 110.000 đồng/m² x 2.928,6m² = 322.146.000 đồng; giá trị cây trồng trên đất: 103 cây nhãn tiêu da bò x 700.000 đồng/cây = 72.100.000 đồng, tổng giá trị tài sản: 394.246.000 đồng. Như vậy, ông V phải thanh toán cho bà H số tiền: 118.274.000 đồng. Do đó, sửa án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C đối với phần tài sản này.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Do kháng cáo của ông Phạm Văn V được chấp nhận nên ông V không phải chịu án phí phúc thẩm. Kháng cáo của bà Ngô Thị Thanh H được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí phúc thẩm. Do giá trị tài sản được nhận có sự thay đổi nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại phần án phí cho phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 55, 58, 60, 62, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 107, 110, 115, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, các Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Sửa một phần bản án hôn nhân sơ thẩm số 81/2017/HNGĐ-ST ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện C. Cụ thể tuyên:

2. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Ngô Thị Thanh H và ông Phạm Văn V.

Khi ly hôn nếu bên khó khăn, túng thiếu có yêu cầu cấp dưỡng mà có lý do chính đáng thì bên kia có nghĩa vụ cấp dưỡng theo khả năng của mình.

Nuôi con chung: Bà Ngô Thị Thanh H có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Minh N, sinh ngày 17/02/2006. Buộc ông Phạm Văn V cấp dưỡng

nuôi cháu Phạm Minh N với mức cấp dưỡng 605.000 đồng/tháng (Sáu trăm lẻ năm ngàn đồng mỗi tháng) đến khi cháu N tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 07/4/2017.

Ông Phạm Văn V có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Phạm Minh N được sống chung với bà Ngô Thị Thanh H. Ông Phạm Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Phạm Văn V lợi dụng việc thăm nom con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì bà Ngô Thị Thanh H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Phạm Văn V.

Vì lợi ích của con chung, ông Phạm Văn V và bà Ngô Thị Thanh H có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Phạm Quốc N, sinh ngày 28/11/1998 do đã thành niên và bà H, ông V không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Chia tài sản:

Ông Phạm Văn V được nhận phần đất có diện tích 246,6m², thuộc thửa 386 (trước đây là thửa 96), tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã T1, huyện C, tỉnh Bến Tre và căn nhà trên phần đất này. (Kèm theo họa đồ thửa đất đo vẽ ngày 13/01/2017).

Ông Phạm Văn V được nhận phần đất có diện tích 2.928,6m², thuộc thửa đất 104, tờ bản đồ số 06 tọa lạc tại xã T1, huyện C, tỉnh Bến Tre và toàn bộ cây trồng trên đất. (Kèm theo họa đồ thửa đất đo vẽ ngày 13/01/2017).

Ông Phạm Văn V có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Ngô Thị Thanh H số tiền 336.920.000 đồng (ba trăm ba mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Ông V có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để tiến hành sang tên, tách thửa đối với phần đất mà mình được nhận theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong khoản tiền thì còn phải chịu lãi suất chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành xong.

3.Án phí sơ thẩm:

Bà Ngô Thị Thanh H phải nộp:

Án phí hôn nhân sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

Án phí về việc chia tài sản: 16.846.000 đồng (Mười sáu triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Tổng cộng là: 17.046.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.494.000 đồng theo biên lai thu số 0023180 ngày 23/11/2016

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà Ngô Thị Thanh H phải nộp tiếp số tiền 5.552.000 đồng (năm triệu năm trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Ông Phạm Văn V phải nộp:

Án phí cấp dưỡng nuôi con: 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

Án phí về việc chia tài sản: 23.785.000 đồng (Hai mươi ba triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Tổng cộng là: 23.985.000 đồng (Hai mươi ba triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

4. Án phí phúc thẩm:

Bà Ngô Thị Thanh H không phải nộp án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà H số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0023462 ngày 24/4/2017 của chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ông Phạm Văn V không phải nộp án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông V số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0023463 ngày 25/4/2017 của của chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre(1b);
- TAND huyện C (1b);
- Chi cục THADS huyện C (1b);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp(3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Tư